

HOA NÔNG NƠI CHỖ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nỗ tuổi :Mau giao
Tong số tre :307

Sang : Bún riêu thốt tom tồoi ca chua trồng
gia nấu hu huyết ngo gai
Sữa grow
Trổa : Côm ca hu phile kho thơm . Canh rau
này mỗôp tom kho thốt heo nạc
Mon xao: su su, ca rot
Xe: sữa grow
Xe chieu: Chao thốt lôn khoai mon ca rot
rau hung

Số Tiền Trên Mỗi Tre 36999				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nhân gia(đ/100g)	Thanh tiền(đ)
	*CHỖ			
1	Ram (mười)	2,000	530	10,600
2	Lồn	4,000	28,670	1,146,800
3	Tom kho	200	78,100	156,200
4	Ca moi	9,000	24,990	2,249,100
5	Tom bien	2,500	34,970	874,250
6	Nồc mam Ca (loại 1)	3,000	6,160	184,800
7	Dầu thảo mộc	3,000	6,280	188,400
8	Nông cat	4,000	3,880	155,200
9	Dầu me	1,000	3,870	38,700
10	Gạo tẻ máy	15,000	2,630	394,500
11	Hạnh lã	1,500	8,400	126,000
12	Hạnh củ tồoi	1,000	6,300	63,000
13	Gia nấu xanh	1,000	2,730	27,300
14	Khoai môn	3,000	6,620	198,600
15	Rau hung	100	12,920	12,920
16	Ca chua	3,000	7,670	230,100
17	Rau mui tau (ngo gai)	100	6,510	6,510
18	Su su	3,000	4,100	123,000
19	Ca rot	1,500	5,670	85,050
20	Rau này	4,000	6,300	252,000
21	Mỗôp	6,000	4,520	271,200
22	Bún	18,000	1,710	307,800
23	Nấu hu chiên	3,000	3,300	99,000
24	Thốt lôn nạc	7,500	17,850	1,338,750
25	Tiệt lược	1,500	4,180	62,700
26	Dỗa ta	2,000	2,940	58,800
27	Trống vớt	2,500	5,400	135,000
Cong				8,796,280
	*XUẤT KHO			
28	Sữa bột Abbot Grow	12,500	20,500	2,562,500
Cong				2,562,500
Tong tiền thức phẩm				11,358,780 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nồc chi trong ngày				11359000(đ)
Số dỗ nấu ngay				0(đ)
Số dỗ cuoi ngày				220(đ)
Xuất ăn luy ke tồ nấu thang				
Tiêu chuẩn luy ke tồ nấu thang				
Tiền chi luy ke tồ nấu thang				